TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 142/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 209/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1980;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã G, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, phường P, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, N vụ liên quan: Cháu Phạm Ngọc Diệu N, sinh ngày 14/5/2017;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, phường P, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật của cháu N: Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị C là bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/5/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị C thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị C xác nhận, vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Diệu N, sinh ngày 14/5/2017. Ly hôn, anh N và chị C thỏa thuận thống nhất, giao cháu N cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 5/2026 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh N và chị C thỏa thuận thống nhất, hàng tháng anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C số tiền 4.000.000 đồng/tháng (*bốn triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2026 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu anh N không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về quyền lợi của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị C xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị C thỏa thuận thống nhất, anh N tự nguyện nhận chịu toàn bộ 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/26E/0001742 ngày 08/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên. Anh N đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã T, GCNKH số 19/2015;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền